

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt trong phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt trong phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh “Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương”;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh tại Tờ trình số 2493/TTr-BQLKKT ngày 08 tháng 7 năm 2026, của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6969/TTr-STC ngày 25 tháng 6 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 236/BC-STP ngày 15 tháng 6 năm 2026 và số 278/BC-STP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung về hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định một số nội dung về hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, gồm:

1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt trong phát triển kinh tế tư nhân.

2. Quy định mức giảm tiền thuê lại đất (không bao gồm chi phí thuê hạ tầng, phí sử dụng cơ sở hạ tầng) trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt trong phát triển kinh tế tư nhân

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chủ đầu tư được hỗ trợ (chủ đầu tư hạ tầng) là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

2. Doanh nghiệp được hỗ trợ là doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (gồm: Chi phí hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc và Chi phí hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư) đối với phần diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại với các mức tỷ lệ cụ thể như sau:

a) Khu công nghiệp trong ranh giới khu kinh tế là 50%.

b) Khu công nghiệp ngoài ranh giới khu kinh tế là 60%.

c) Khu công nghiệp có phần trong ranh giới khu kinh tế và phần ngoài ranh giới khu kinh tế là 55%.

2. Chi phí hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc được xác định theo suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng công bố tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư lần đầu hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu, phân bổ theo tỷ lệ diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại trên diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp. Trường hợp giá trị quyết toán chi phí, hạng mục công trình hoàn thành của Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp thấp hơn giá trị tính theo suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng công bố thì áp dụng giá trị quyết toán làm căn cứ xác định hỗ trợ.

3. Chi phí hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư hỗ trợ theo xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Chủ đầu tư được hỗ trợ phải dành diện tích đất khu công nghiệp đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại.

2. Các công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng phục vụ cho phần diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại phải được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

3. Phần diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, công bố công khai thông tin trên cổng thông tin, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư hạ tầng phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền được hỗ trợ trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan dẫn đến trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư hoặc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Cho thuê, cho thuê lại đất cho doanh nghiệp không thuộc đối tượng được hỗ trợ trên diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ.

c) Chi phí đã hỗ trợ xác định theo suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng công bố cao hơn chi phí đầu tư đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán quyết toán hoàn thành hoặc qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan có chức năng phát hiện các yếu tố dẫn đến phải giảm trừ hoặc thu hồi chi phí đã hỗ trợ.

Điều 6. Xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ

1. Quy trình xác định diện tích đất:

a) Chủ đầu tư hạ tầng gửi Ban Quản lý Khu kinh tế 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban Quản lý Khu kinh tế có văn bản thông báo cho chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định hồ sơ, dự thảo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ và thực hiện công bố công khai thông tin trên cổng thông tin, trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc văn bản không chấp thuận gửi Ban Quản lý Khu kinh tế để thông báo tới Chủ đầu tư.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xác định diện tích đất hoặc văn bản không chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế có thông báo gửi Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị xác định diện tích đất gồm:

a) Văn bản đề nghị của Chủ đầu tư hạ tầng theo Mẫu Phụ lục I.

b) Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình hạ tầng đưa vào sử dụng cho diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

c) Bản đồ xác định cụ thể vị trí, diện tích, ranh giới, tọa độ phạm vi đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại và phần lấn biển (nếu có).

3. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo của Ban Quản lý Khu kinh tế về kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho chủ đầu tư (kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp được chấp thuận hoặc Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh không chấp thuận).

4. Lệ phí thực hiện: Không.

Điều 7. Xác định chi phí hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng (thực hiện sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích đất của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại)

1. Quy trình xác định chi phí hỗ trợ:

a) Chủ đầu tư hạ tầng gửi Ban Quản lý Khu kinh tế 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban Quản lý Khu kinh tế có văn bản thông báo cho chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định số tiền hỗ trợ.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chấp thuận số tiền hỗ trợ và gửi Ban Quản lý Khu kinh tế để thông báo kết quả đến chủ đầu tư; gửi Sở Tài chính để tham mưu và bố trí vốn hỗ trợ. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Ban Quản lý Khu kinh tế để thông báo tới Chủ đầu tư.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định chấp thuận hoặc văn bản không chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế có thông báo gửi Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Chủ đầu tư hạ tầng theo Mẫu tại Phụ lục II.

b) Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với chi phí thu hồi đất, bồi thường, tái định cư phần đất bố trí dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại.

c) Hồ sơ quyết toán hoàn thành toàn bộ dự án hạ tầng khu công nghiệp đã được đơn vị tư vấn kiểm toán độc lập (nếu có).

3. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo của Ban Quản lý Khu kinh tế về kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho chủ đầu tư (kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp được chấp thuận hoặc Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh không chấp thuận).

4. Lệ phí thực hiện: Không.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương

1. Ban Quản lý Khu kinh tế định kỳ kiểm tra, giám sát Chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp được hỗ trợ trong việc triển khai thực hiện; kịp thời thông báo cho Sở Tài chính đối với các trường hợp vi phạm để xử lý thu hồi chi phí hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách địa phương để hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đối với phần diện tích đất công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại; thu hồi chi phí hỗ trợ đối với các trường hợp vi phạm.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm xác nhận tình trạng giải phóng mặt bằng và chi phí thu hồi đất, bồi thường, tái định cư đối với

phạm vi diện tích đất khu công nghiệp dự kiến dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại trên tổng diện tích đất khu công nghiệp.

4. Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp được hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này; định kỳ báo cáo trước ngày 25 của tháng cuối quý về Ban Quản lý Khu kinh tế việc cho thuê, cho thuê lại diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ; giám sát doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện theo đúng đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3; gửi báo cáo, hồ sơ quyết toán hoàn thành toàn bộ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đã được kiểm toán độc lập về Ban Quản lý Khu kinh tế trong thời gian tối đa 01 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành toàn bộ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của chủ đầu tư để kiểm tra đối chiếu với chi phí đã hỗ trợ.

Mục 2. Quy định mức giảm tiền thuê lại đất (không bao gồm chi phí thuê hạ tầng, phí sử dụng cơ sở hạ tầng) trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất

Điều 9. Nội dung hỗ trợ

1. Chi ngân sách nhà nước để thực hiện hoàn trả khoản giảm giá tiền thuê lại đất cho Doanh nghiệp tại Điều 2 Quyết định này có hợp đồng thuê lại đất của các chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (không bao gồm chi phí thuê hạ tầng, phí sử dụng cơ sở hạ tầng).

2. Mức hỗ trợ tính trên giá hợp đồng thuê lại đất cụ thể trong vòng 5 năm (không bao gồm chi phí thuê hạ tầng, phí sử dụng cơ sở hạ tầng) được ký giữa chủ đầu tư với doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cụ thể:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ tại địa bàn các phường là 50%; xã và đặc khu là 60%.

b) Doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ tại địa bàn các phường là 30%; xã và đặc khu là 50%.

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ tại địa bàn các phường là 80%; xã và đặc khu là 90%.

d) Mức hỗ trợ tối đa nêu trên không vượt quá 300 triệu đồng/cơ sở doanh nghiệp/thời gian là 05 năm.

Trường hợp mức hỗ trợ tối đa vượt quá 300 triệu đồng/cơ sở doanh nghiệp/thời gian là 05 năm, mức hỗ trợ được tính bằng 30% giá hợp đồng thuê lại đất (không bao

gồm chi phí thuê hạ tầng, phí sử dụng cơ sở hạ tầng) theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15.

Điều 10. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh:

a) Có diện tích đất công bố, công khai theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh dành riêng cho nhóm đối tượng là doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15.

b) Đã ký hợp đồng với các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh, được giảm giá cho thuê phù hợp với mức giảm tại Điều 3 Quyết định này kể từ ngày Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành; thời gian là 05 năm và hợp đồng không bị ngắt quãng thời gian thuê.

2. Thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hợp đồng thuê lại đất là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng (kể cả phụ lục hợp đồng, nếu có).

Điều 11. Nguồn vốn và quy trình thực hiện hoàn trả

1. Nguồn vốn thực hiện hoàn trả (khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP): Bố trí từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền thuê đất giữa các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Quy trình, biểu mẫu, hình thức hoàn trả khoản hỗ trợ giảm giá cho thuê lại đất thực hiện theo quy định tại các khoản 6,7,8,9 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương

1. Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành liên quan: Hàng năm, vào thời điểm tháng 10 lập dự toán chi phí khoản hỗ trợ giảm giá tiền thuê đất trên phần diện tích đã công bố, công khai được ký hợp đồng và có khả năng hợp đồng cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ thuê lại, báo cáo các sở, ngành chức năng để bố trí dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành liên quan lập dự toán chi phí khoản hỗ trợ giảm giá tiền thuê đất trên

phần diện tích đã công bố, công khai được ký hợp đồng và có khả năng hợp đồng cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ thuê lại.

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị hoàn trả khoản hỗ trợ giảm giá tiền thuê lại diện tích đất theo quy định gửi về Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hoàn trả cụ thể.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, xác nhận số tiền được hoàn trả trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền; tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách, báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối dự toán ngân sách, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách hàng năm.

3. Thuế Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân các phường, xã và đặc khu thực hiện công tác bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo thông báo thuế (nếu có) hoặc thanh toán chi trả tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các chủ đầu tư theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (khu công nghiệp), Sở Công thương tỉnh (cụm công nghiệp), Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (vườn ươm công nghệ sáng tạo), Ban chấp hành Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh có trách nhiệm phổ biến chính sách đến cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, theo dõi việc thực hiện Quyết định này, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung chính sách để phù hợp với thực tiễn triển khai.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Quy định chuyển tiếp đối với một số trường hợp hỗ trợ giảm tiền thuê đất tại mục 2 chương II Quyết định này như sau:

1. Đối với các trường hợp phát sinh mới sau ngày 17/5/2025 tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ thành lập (mới) hoặc cụm công nghiệp, khu công nghiệp đang hoạt động (cũ) có quỹ đất được công bố công khai dành riêng cho nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ giảm giá thuê lại đất, có hợp đồng phát sinh được xác định là đối tượng nhận hỗ trợ.

2. Các trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định, ký hợp đồng với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp sau ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố, công khai mặt bằng diện tích hỗ trợ thì được lập hồ sơ hỗ trợ hoàn trả tiền thuê lại đất (được truy lĩnh tiền hỗ trợ) theo Nghị quyết số 198/2025/QH15.

3. Doanh nghiệp có hợp đồng thuê lại đất lần đầu trong diện tích đất được công bố, công khai thuộc diện được hỗ trợ, hoạt động liên tục, không bị ngắt quãng thời gian trong diện tích đất đã được hỗ trợ thì được đưa vào diện giảm tiền thuê đất và được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chủ đầu tư cụm công nghiệp, khu công nghiệp. Trường hợp có hợp đồng thuê lại đất nhưng diện tích thuê sử dụng không

đúng mục đích, không đưa vào sản xuất kinh doanh (để trông) thì không được xem xét đưa vào diện được hỗ trợ.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện Quyết định, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp có sự thay đổi khác về chủ trương, định hướng đối với cơ chế, chính sách liên quan đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại Quyết định này, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Kinh tế theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo thẩm quyền bảo đảm đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Văn Diện

Phụ lục I
ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ
TẦNG KCN DÀNH CHO DOANH NGHIỆP ĐƯỢC HỖ TRỢ THUÊ,
THUÊ LẠI

*(Kèm theo Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

TÊN DOANH NGHIỆP ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v xác định diện tích đất
đã đầu tư hạ tầng khu công
nghiệp dành cho Doanh
nghiệp được hỗ trợ thuê,
thuê lại đất (lần thứ.....)

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15.

Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tên chủ đầu tư¹:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Email:

Tài khoản số: tại ngân hàng:

1. Đề nghị xác định diện tích đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, như sau:

1.1. Tên khu công nghiệp:.....

1.2. Địa điểm xây dựng:

1.3. Lô đất công nghiệp đề nghị hỗ trợ:.....

1.4. Diện tích đất công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ đề nghị/Tổng diện tích công nghiệp của KCN: ... ha/...ha; tương ứng với tỷ lệ%.

1.5. Diện tích đất đã dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại.... ha của các lần trước (nếu có)

1.6. Diện tích đất lũy kế dự kiến cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại:ha; tương ứng với tỷ lệ lũy kế dự kiến:....%

2. Chủ đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực về các văn bản, tài liệu và thông tin đã cung cấp để thực hiện thủ tục hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng KCN; hoàn trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp kê khai không chính xác, trung thực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ)

¹ Là doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN.

Phụ lục II**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KCN**

*(Kèm theo Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

TÊN DOANH NGHIỆP ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ
tầng khu công
nghiệp..... (lần thứ...)

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15.

Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tên chủ đầu tư¹:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Email:

Tài khoản số: tại ngân hàng:

1. Đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng KCN đối với phần diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại, như sau:

1.1. Tên khu công nghiệp:.....

1.2. Địa điểm xây dựng: xây dựng:

1.3. Lô đất công nghiệp đề nghị hỗ trợ:.....

1.4. Diện tích đất công nghiệp dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ đề nghị/Tổng diện tích công nghiệp của KCN: ... ha/...ha; tương ứng với tỷ lệ%.

1.5. Diện tích đất đã dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại.... ha (của các lần trước nếu có theo các Quyết định công bố diện tích của UBND tỉnh Quảng Ninh số.... ngày.. /.../....):

1.6. Diện tích đất lũy kế cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại:ha; tương ứng với tỷ lệ lũy kế:....%

1.7. Chi phí đầu tư xây dựng toàn bộ hạ tầng KCN tính theo suất vốn đầu tư của Bộ Xây dựng tại thời điểm quy định¹: đ

1.8. Chi phí đề nghị được hỗ trợ đối với diện tích đất dành cho doanh nghiệp được hỗ trợ thuê, thuê lại:đ.

2. Chủ đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực về các văn bản, tài liệu và thông tin đã cung cấp để thực hiện thủ tục hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng KCN; hoàn trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp kê khai không chính xác, trung thực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ)

¹ Là doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN.

¹ Thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư lần đầu hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.